

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2022
“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn
và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Niên;

2. Ông Nguyễn Đức Điền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 193/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp T, xã N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị V có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Bích V là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Thanh L được sự thống nhất gia đình và tự nguyện tổ chức đám cưới với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cao Lãnh ngày 02/12/2005.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên ghen tuông vô cớ, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Nhiều lần cãi nhau, anh L có lời lẽ xúc phạm và đuổi chị V ra khỏi nhà. Tháng 11/2021, chị V đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian xa nhau, anh L có ý nhận lỗi nhưng chị V nhận thấy đã bị tổn thương nhiều, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị Nguyễn Thị Bích V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Tú A, sinh ngày 31/3/2009 và Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 22/9/2019. Hiện nay, con chung tên Trần Thị Tú A đang sống cùng anh L, con chung tên Trần Thị Tuyết M đang sống cùng chị V.

Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Tuyết M, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Chị V đồng ý giao con chung tên Trần Thị Tú A để anh L tiếp tục nuôi dưỡng; chị V không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Thanh L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh L cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

1. Giấy chứng nhận kết hôn Trần Thanh L – Nguyễn Thị Bích V;
2. Bản sao giấy khai sinh Trần Thị Tuyết M và Trần Thị Tú A;

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 22/6/2022 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Nguyễn Thị Bích V có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Trần Thanh L đang cư trú tại ấp A, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt; riêng anh L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh L.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh L tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cao Lãnh ngày 02/12/2005 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị V yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, chị V và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Hai bên ly thân với nhau nhưng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được để tiếp tục sống chung xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị V và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị V.

[5] Về nuôi con: Chị V và anh L có 02 con chung, tên là Trần Thị Tú A, sinh ngày 31/3/2009 đang sống với anh L và Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 22/9/2019 đang sống với chị V. Khi ly hôn chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tuyết M, đồng ý giao con chung tên Tú A cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Hiện nay, cháu Tuyết M đang sống với chị V, cháu Tú A sống với anh L ổn định về vật chất, tinh thần và đang phát triển tốt về mọi mặt. Việc thay đổi người nuôi con sẽ làm ảnh hưởng tâm sinh lý của con chung. Cháu Tú A đã trên 7 tuổi, có ý kiến tiếp tục sống với anh L. Mặt khác, anh L cũng không có ý kiến về việc người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, việc chị V tiếp tục nuôi cháu M, còn anh L tiếp tục nuôi cháu Tú A sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại Điều 81 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị V và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện.

Người không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn và về nợ chung: Chị V trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007475 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích V.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với anh Trần Thanh L.

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bích V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 22/9/2019; Anh Trần Thanh L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Tú A, sinh ngày 31/3/2009. Chị V và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Thanh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

1.3. Về chia tài sản khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị V đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007475 ngày 09/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Điệp – Trần Văn Bé Hai

Trần Văn Đô